| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 768/2025/HC-PT
Ngày: 20 - 6 - 2025
*"Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất"*

**NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn An;

Ông Trần Văn Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 299/2025/TLPT- HC ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc *"Khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1762/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện*:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960 (có mặt);

Nơi thường trú: đường G, Tổ G, Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T*: Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 1/1 đường D, khu F, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- ***Người bị kiện*:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

*+ Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê Nguyễn Song T2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V (Văn bản ủy quyền số 6833/UBND-NC ngày 23/10/2024, vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng

mặt.

*+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*: Bà Nguyễn Thị Hồng V - Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện V, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

+ Bà Phạm Thị Thanh T3, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi thường trú: đường G, Tổ G, Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

***- Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Phạm Văn T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người khởi kiện là ông Phạm Văn T trình bày:***

Sau năm 1975, gia đình ông tự khai phá được các thửa đất tọa lạc tại xã T, huyện V (nay thuộc thửa đất số 316 và 317, tờ bản đồ số 8 xã T). Gia đình ông đã canh tác, sử dụng thửa đất này ổn định, không tranh chấp với ai.

Khoảng năm 1985, Ủy ban nhân dân xã T có mượn một phần đất xây Trường mầm non, sau đó Trường mầm non D1 đi thì tiếp tục dùng làm Trạm xá (phía sau);

Đến năm 1994, Ủy ban nhân dân xã T có nhu cầu xây dựng Trạm y tế xã nên có đến gặp gia đình ông để hỏi mượn một phần đất kế bên cạnh nhà gia đình ông đang ở (nghĩa là mượn thửa đất 317, tờ bản đồ số 8) để xây dựng Trạm y tế xã (là vị trí hiện nay, phía trước). Do lúc này còn hoang sơ, đất đai còn bỏ trống nhiều chưa sử dụng đến nên vợ chồng ông đã đồng ý cho đại diện Ủy ban nhân dân xã T mượn đất. Tại thời điểm này, ông Nguyễn Văn Nghĩa L Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã và ông Phạm Ngọc T4 là Trưởng Công an xã đã trực tiếp đến gặp vợ ông (bà Nguyễn Thị T5) mượn đất, tiếp nhận đất cho mượn và cam kết sau này, khi không còn nhu cầu sử dụng nữa thì Ủy ban sẽ giao trả lại đất cho gia đình ông (việc cam kết bằng miệng, hai bên không ghi nhận bằng văn bản). Hiện nay, cả ông N và ông T4 đều cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Sau đó, gia đình ông đã cho Ủy ban nhân dân xã T mượn đất để làm Trạm y tế cho đến khoảng năm 2004 thì Trạm y tế xã chuyển đi chỗ khác, để lại căn nhà cũ và phần đất mà gia đình chúng ông đã cho mượn. Do thấy Ủy ban nhân dân Xã không còn nhu cầu sử dụng phần đất đã mượn nữa nên trong các cuộc họp, tiếp xúc cử tri (cả xã và huyện) gia đình ông đã nhiều lần đề nghị Ủy ban nhân dân xã T giao trả đất như đã cam kết khi mượn. Tuy nhiên, đến nay sự việc vẫn chưa được giải quyết.

Do vậy, vợ ông là bà Nguyễn Thị T5 đã làm đơn khiếu nại, đề nghị Ủy ban nhân dân xã T giao trả lại cho gia đình ông phần đất trước đây đã cho Ủy ban

nhân dân xã T mượn để xây dựng Trạm y tế. Tiếp nhận được đơn khiếu nại ngày 22/08/2018 nhưng đến ngày 25/11/2018, Ủy ban nhân dân xã T mới mời vợ ông lên lấy ý kiến. Ngoài ra, Ủy ban xã không hề xem xét, đề cập đến việc mượn đất của gia đình ông hay không. Đồng thời cũng không mời những người đã trực tiếp mượn đất của gia đình ông tại thời điểm đó là ông Nguyễn Văn N (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã) và ông Phạm Ngọc T4 (Trưởng công an xã) lên để xác minh, đối chất thực hư như thế nào. Tại các buổi làm việc, không có đầy đủ thành phần theo quy định của pháp luật mà chỉ có ông Phạm Minh H - cán bộ địa chính xã làm việc theo kiểu cho qua chuyện.

Cho đến ngày 10/01/2019 thì Ủy ban nhân dân xã T mới ban hành "Công văn số 034/CV - UBND về việc trả lời theo nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T5 ngụ tại ấp A, xã T, huyện V". Đến tháng 4/2019, sau khoảng chục lần gia đình ông hoặc người đại diện là ông Nguyễn Như T6 yêu cầu cung cấp văn bản giải quyết khiếu nại thì ông H mới chịu đưa. Tuy nhiên, Công văn số 034/CV - UBND ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã T trả lời cho vừa sai về mặt hình thức lẫn nội dung. Cụ thể, về hình thức văn bản thì lỗi chính tả quá nhiều; tôi làm đơn khiếu nại thì kết quả giải quyết phải trả lời bằng việc ban hành quyết định chứ không phải là công văn (đây là hành vi nghiêm cấm được quy định tại khoản 3, điều 6 Luật khiếu nại*: "Ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định"*; thành phần tham gia giải quyết khiếu nại không đầy đủ; việc xác minh đúng người bị khiếu nại, người trực tiếp mượn đất không được tiến hành xử lý...

Về nội dung trả lời chưa thực sự đúng, nguyên nhân do chưa làm rõ những nội dung mà tôi đã yêu cầu trong đơn khiếu nại. Việc giải quyết và trả lời đơn khiếu nại một cách vòng vo, chung chung, mang tính đùn đẩy trách nhiệm cho cơ quan cấp trên là Uỷ ban nhân dân huyện, trong khi cái cần xác minh, làm rõ và trách nhiệm chính lại thuộc về Ủy ban nhân dân xã T.

Do vậy, một lần nữa, gia đình ông lại tiếp tục làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T, đề nghị giải quyết vụ việc theo đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đến nay sự việc vẫn chưa được giải quyết triệt để, vì họ cho rằng thửa đất 317, tờ bản đồ số 8, xã T là đất công, thuộc sự quản lý của Uỷ ban nhân dân xã chứ không phải thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Ông đã cung cấp các biên bản do Ủy ban nhân dân xã T lập vào ngày 11/11/1997, ngày 25/11/1997 và 06/12/1997 liên quan đến việc tranh chấp ranh đất giữa gia đình tôi với ông Phạm Thành L1 (chủ sử dụng liền kề thửa đất 317). Mặc dù biên bản giải quyết tranh chấp giữa các chủ sử dụng đất liền kề nhưng thông qua các biên bản này đã thể hiện rõ thửa đất 317, tờ bản đồ số 8 (xây dựng Trạm y tế xã) có nguồn gốc của gia đình ông khai phá, sử dụng. Cụ thể:

Trong biên bản ngày 25/11/1997 ý kiến của vợ tôi (bà T5) có nêu nguồn gốc đất như sau:

*"Sau khi về T sinh sống được ông T7 chỉ cho đất để khai phá, sử dụng. Trong thời gian sử dụng, UBND xã vận động gia đình chúng tôi để xây dựng Trạm xá".*

Ý kiến của ông L2 - cán bộ T8 cho biết:

*"Đất có từ trước và đã hiến cho Nhà nước xây dựng trạm xá và nhà tình nghĩa khi ông N1 trồng lang thì phía cô T5 đã đồng ý".*

Kết luận của Ủy ban nhân dân xã C nêu:

*" Hội nghị nhất trí phần đất trên và do công gia đình bà thân khai phá".*

Như vậy có thể nói, căn cứ vào những nội dung ghi nhận trong biên bản này có thể xác định, thửa đất 317 (xây dựng trạm xá) nằm giáp ranh với đất nhà ông L1 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của gia đình ông khai phá từ trước năm 1975, đã cho Ủy ban nhân dân xã T mượn để xây dựng trạm y tế xã.

Vì Ủy ban nhân dân xã T không trả lại đất đã mượn khi không còn nhu cầu sử dụng, đồng thời giải quyết khiếu nại không khách quan, gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông. Nay vợ ông đã qua đời, vì vậy, ông đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện V, kính đề nghị Q cơ quan giao cho phòng ban chuyên môn tiến hành kiểm tra, xác minh, giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nhằm trả lại đất đai cho gia đình chúng ông.

Qua nội dung trình bày nêu trên, có thể khẳng định quyết thửa đất 317, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp A xã T, huyện V là của gia đình ông khai phá, nên các Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của UBND huyện V và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ ngày 21/3/2023 của UBND huyện V sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của UBND huyện V xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Vì vậy, ông đề nghị Toà án xem xét tuyên hủy Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V,

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T cùng trình bày:***

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa đất 76 tờ bản đồ số 27 xã T.

- Về hiện trạng sử dụng đất:

Thửa đất 76 tờ bản đồ số 27 (BĐĐC 2010) diện tích 829,7m$^2$, loại đất DYT, hiện trạng trên đất có 02 căn nhà cấp đã xuống cấp, bỏ trống không còn sử dụng với diện tích khoảng 200m$^2$ trước đây là Trạm y tế xã, nay Trạm y tế chuyển đi nơi khác nên bị gia đình bà Nguyễn Thị T5 bao vây hàng rào lưới B40 và xây dựng nhà ở và công trình tiền chế lấn chiếm một phần diện tích 150,4m$^2$

đã được Uỷ ban nhân dân xã lập biên bản xử lý vi phạm hành chính trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

+ Về hồ sơ địa chính: Thửa đất 76, tờ bản đồ số 27 (BĐĐC 2010) thuộc thửa đất số 317 tờ bản đồ số 8 (thành lập năm 1998). Theo sổ mục kê lưu trữ tại UBND xã T thì thửa đất này được Trạm xá Trị An kê khai đăng ký, diện tích 859 $m^2$ loại đất CDXD.

+ Về quá trình sử dụng:

Sau năm 1975 phần đất trên còn trống, đất hoang chưa ai kê khai đăng ký sử dụng, đến năm 1982 công trình thủy điện T10 hỗ trợ cho xã T xây dựng Trạm y tế xã phục vụ khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn (hiện nay dãy nhà trạm y tế vẫn còn hiện hữu trên đất). Đến khoảng năm 1994, Sở y tế tỉnh Đ hỗ trợ cho địa phương xây dựng một Trạm y tế tại thửa đất số 317, tờ số 8 bản đồ thành lập năm 1998. Nay là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 (ĐĐĐC 2010) xã T gần vị trí dãy nhà Trạm y tế cũ (xây dựng năm 1982). Hiện nay dãy nhà Trạm y tế vẫn còn hiện hữu trên thửa đất.

Năm 2005, xã T được Ủy ban nhân dân huyện B nguồn đầu tư xây dựng Trạm y tế mới tại vị trí thửa đất số 305 tờ bản đồ số 8 cũ (1 phần diện tích trụ sở Uỷ ban nhân dân xã cũ) nay thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 28 (bản đồ thành lập năm 2010). Thời điểm này Trạm y tế được dời ra cơ sở mới hoạt động cho đến nay.

Phần diện tích đất và cơ sở vật chất Trạm y tế cũ vẫn giữ nguyên hiện trạng trên thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8 (cũ) nay là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 thành lập năm 2010 xã T. Thửa đất này đã được kê khai đăng ký trong sổ mục kê năm 1998 đối chiếu với bản đồ địa chính thành lập năm 2010 thì thửa đất sô 317, tờ bản đồ số 8 (cũ) nay thuộc thửa đất số 76, tờ số 27 nằm trong danh sách thửa đất công do Uỷ ban nhân dân quản lý theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phê duyệt phương án sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh.

Tại thời điểm tháng 12/2016, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T5 xây dựng nhà ở và công trình nhà tiền chế lấn qua thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 với diện tích 150,4$m^2$. Tuy nhiên tại thời điểm xây dựng công trình có lấn qua thửa đất số 76 tờ bản đồ số 27, Uỷ ban nhân dân xã chưa xử lý nghiêm đến ngày 19/10/2022 Ủy ban nhân dân xã T mới lập biên bản xử lý vi phạm hành chính trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Về giải quyết đơn khiếu nại liên quan đến thửa đất số 76 tờ bản đồ số 27 xã T.

Ngày 22/8/2018, bà Nguyễn Thị Thân S năm 1956 có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã T về việc mượn đất xây Trạm y tế xã nhưng nay không còn sử dụng trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị T5 như đã hứa.

Ngày 25/9/2018, Ủy ban nhân dân xã M và làm việc với bà Nguyễn Thị T5 qua người đại diện là ông Nguyễn Như T6 theo hợp đồng ủy quyền số 4793 được Văn phòng C1 chứng thực ngày 20/8/2018 về xác minh làm rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng. Ngày 29/11/2018, Uỷ ban nhân dân xã tiếp tục mời và làm việc ông Nguyễn Lương T9 nguyên là cán bộ địa chính cũ, ông Nguyễn Cao C cán bộ tư pháp, ông Lê Văn L2 cán bộ thuế thời điểm trên về việc xác minh lại các hồ sơ giấy tờ do bà Nguyễn Thị T5 cung cấp.

Ngày 10/01/2019, Ủy ban nhân dân xã T có Văn bản số 03A/CV-UBND về việc trả lời theo nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T5 cư ngụ tại ấp A xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nhưng bà Nguyễn Thị T5 không đồng ý với Văn bản của Ủy ban nhân dân xã T và đến ngày 18/4/2019 bà T5 có đơn kiện nghị Văn bản số 03A/CV-UBND ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã T. Đến ngày 26/12/2019, ông Phạm Văn T (chồng bà Nguyễn Thị T5 nay bà đã chết) tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện V về việc đòi lại đất cho mượn để xây Trạm Y tế xã.

Ngày 06/01/2020, Ủy ban nhân dân huyện V nhận được đơn ghi ngày 26/12/2019 của ông Phạm Văn T - Địa chỉ: Ấp A; xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, nội dung ông Phạm Văn T đòi lại đất mà vợ ông là bà Nguyễn Thị T5 cho Ủy ban nhân dân xã T mượn để làm Trạm Y tế xã nhưng khi không còn sử dụng làm Trạm y tế, Ủy ban nhân dân xã T đã không trả lại cho gia đình ông như đã cam kết.

Ngày 29/7/2022, Ủy ban nhân dân huyện C Văn bản số 5478/UBND-NC trả lời đơn cho ông Phạm Văn T được biết với nội dung: Việc bà Nguyễn Thị T5 có đơn khiếu nại đòi lại đất trước đây bà Nguyễn Thị T5 cho Ủy ban nhân dân xã T mượn để xây dựng Trạm Y tế xã, đã được Ủy ban nhân dân xã T trả lời tại Văn bản số 03A/CV-UBND ngày 10/01/2019.

Đến ngày 02/9/2019, bà Nguyễn Thị T5 chết, những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị T5 chưa thực hiện thừa kế theo quy định của pháp luật và ông Phạm Văn T không cung cấp được tài liệu thể hiện ông Phạm Văn T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, do đó việc ông Phạm Văn T có đơn với nội dung như trên là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ngày 22/7/2022, ông Phạm Văn T có nội dung đơn khiếu nại gửi UBND xã T với nội dung khiếu nại tương tự như trên.

Ngày 09/8/2022, Ủy ban nhân dân xã T có Thông báo số 39/TB-UBND trả lời đơn ông Phạm Văn T đối với thửa đất số 76, tờ 27 (BĐĐC 2010) xã T. Qua đó, Ủy ban nhân dân xã T thông báo đến ông Phạm Văn T thực hiện tự thảo dỡ công trình vi phạm trả lại hiện trạng ban đầu khu đất trước khi vi phạm ngày 12/8/2022. Nếu ông T không chấp hành sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quá trình xử phạt vi phạm hành chính tại thửa đất 76, tờ bản đồ số 27 xã T.

Ngày 19/10/2022, ông Phan Đình S1 - công chức Địa chính - xây dựng xã T tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 38/BB-VPHC đối với ông Phạm Văn T (ông Phạm Văn T vắng mặt không ký biên bản, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành gửi tống đạt biên bản vi phạm hành chính qua đường bưu điện S2 với việc dán niêm yết tại vị trí thửa đất có biên bản kèm theo).

Ngày 20/10/2022, Ủy ban nhân dân xã T ban hành Tờ trình số 191/TTr- Uỷ ban nhân dân về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T - địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 02/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 9068/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T - Ngụ tại: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Hành vi: Lấn đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn.

Cụ thể, ông Phạm Văn T xây dựng công trình nhà ở và nhà tiền chế với tổng diện tích lấn qua thửa 76, tờ 27, xã T là 150,4m$^2$ theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V1 ký ngày 04/10/2022. Thửa đất số 76, tờ 27 (BĐĐC 2010) là đất công do UBND xã quản lý. Trong đó:

Công trình thứ nhất: Nhà ở có kết cấu tường xây gạch mái lợp tôn, nền lát gạch men, với diện tích lần qua thửa 76, tờ 27 xã T là 50m$^2$.

Công trình thứ hai: Nhà tiền chế có kết cấu khung sắt mái lợp tôn, nền xi măng đá chẽ, với diện tích lấn qua thửa 76, tờ 27 xã T là 100,4 m$^2$.

Tổng số tiền phải nộp phạt là: 23.200.461 đồng (Hai mươi ba triệu, H1 trăm ngàn bốn trăm sáu mươi mốt đồng); buộc ông Phạm Văn T khôi phục tình trạng vi phạm của đất trước khi vi phạm.

Ủy ban nhân dân xã T gửi giấy mời tống đạt quyết định qua đường bưu điện nhưng ông Phạm Văn T không đến, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành lập Biên bản về việc bàn giao quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với sự chứng kiến của ông Mai Xuân D và ông Võ Tấn M (thể hiện tại biên bản bàn giao tài liệu quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 04/11/2022).

Sau khi lập biên bản bàn giao, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành gửi tống đạt Quyết định số 9068/QĐ-XPHC của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện cho ông Phạm Văn T qua đường bưu điện, đồng thời dán niêm yết tại vị trí thửa đất (Thể hiện tại Biên bản niêm yết công khai Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T .

Ngày 22/11/2022, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 đối với ông Phạm Văn T (ông T vắng mặt).

Ngày 15/2/2023, Ủy ban nhân dân xã T tiếp tục kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 9068/QĐ-XPHC trong lĩnh vực đất

đai tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 đối với ông Phạm Văn T. Tại thời điểm kiểm tra thì ông T vắng mặt, có bà Phạm Thị Thanh T3 là con ông T đại diện và có ý kiến trình bày là gia đình không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Uỷ ban nhân dân huyện về việc nộp tiền phạt và khắc phục hậu quả.

Ngày 10/03/2023, Ủy ban nhân dân xã T ban hành Tờ trình số 12/TTr-UBND về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V.

Ngày 21/3/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 651/QĐ- SĐBSHB về việc sửa đổi Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc xử phạt vi phạm hành vi chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T - Ngụ tại: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Lý do sửa đổi: có sai sót trong cách tính số lợi bất hợp pháp nhưng việc sai sót này không làm thay đổi nội dung của quyết định 9068/QĐ-XPHC.

Ủy ban nhân dân xã T ban hành Giấy mời số 14/GM/UBND ngày 27/03/2023 về việc bàn giao Quyết định của Chủ tịch UBND huyện V. Giao liên của Uỷ ban nhân dân xã đến gửi giấy mời nhưng tại thời điểm ông T không có mặt tại địa phương. Do đó Uỷ ban nhân dân xã tiến hành tống đạt Quyết định qua đường bưu điện, đồng thời tiến hành dán niêm yết công bố công khai tại vị trí thửa đất (có biên bản công bố, công khai kèm theo ngày 27/3/2024).

Ngày 20/06/2023, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 đối với ông Phạm Văn T (ông T vắng mặt).

Các Văn bản mà Ủy ban nhân dân xã T tống đạt gửi qua đường bưu điện cho ông Phạm Văn T đều bị trả về với lý do "Không thấy người nhận".

Đến nay, ông Phạm Văn T chưa thực hiện việc đóng tiền phạt do không nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Uỷ ban nhân dân huyện; Chưa khắc phục hậu quả, hiện trạng trên đất hiện nay vẫn giữ nguyên hiện trạng tại thời điểm Ủy ban nhân dân xã L biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Không có tái phạm và cũng không tháo dỡ.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân xã T nhận thấy việc ban hành Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSHB ngày 21/3/2023 đối với hành vi lấn chiếm đất của ông Phạm Văn T là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác đơn của ông Phạm Văn T về việc khiếu nại yêu cầu hủy các Quyết định hành chính về quản lý đất đai.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thanh T3:***

Chị T3 thống nhất với về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất mà ông T đã

trình bày và đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định như sau:*

Căn cứ Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tố tụng hành chính,

- Áp dụng khoản 2 Điều 38, Điều 58 và Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính); Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử phạt vi phạm hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sủa đổi bổ sung một số điều của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ngày 29/10/2024, ông Phạm Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thêm chứng cứ về quá trình hình thành lô đất.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện trình bày quan điểm tranh luận: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ lại cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thêm chứng cứ về quá trình hình thành lô đất. Bởi lẽ, nguồn gốc đất do gia đình ông T khai phá, cho Ủy ban mượn làm Trạm y tế xã. Giếng nước do gia đình ông T đào trên đất, cả xóm ăn. (Ông T cung cấp hình ảnh giếng nước). Sau này, Ủy ban xuống lấy cả giếng của gia đình ông T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định số 9068/QĐ-XPH; Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ là đúng pháp luật. Ông Phạm Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm căn cứ hủy bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số đương sự. Xét, việc vắng mặt của những người này, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T:

[2.1]. Ông Phạm Văn T xây dựng công trình nhà ở và nhà tiền chế với tổng diện tích lấn qua thửa 76, tờ bản đồ số 27 xã T là 150,4m$^2$ thể hiện qua kết quả đo đạc tại bản vẽ Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 4603/2022 ngày 04/10/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh huyện V1. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ ngày 21/3/2023 sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022.

[2.2]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, Quyết định số 651/QĐ-SĐBSHB về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục.

[2.3]. Về tính có căn cứ của các quyết định bị kiện:

[2.3.1]. Ông T trình bày, sau năm 1975, gia đình ông tự khai phá được các thửa đất tọa lạc tại xã T, huyện V (nay thuộc thửa đất số 316 và 317, tờ bản đồ số 8 xã T). Gia đình ông đã canh tác, sử dụng các thửa đất này ổn định, không tranh chấp với ai. Đến năm 1994, Ủy ban nhân dân xã T có nhu cầu xây dựng

Trạm y tế xã nên mượn một phần đất kế bên cạnh nhà gia đình ông đang ở để xây dựng Trạm y tế xã nên vợ chồng ông đã đồng ý cho đại diện Ủy ban nhân dân xã T mượn đất. Xét, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất xây dựng Trạm y tế xã thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Ông T thừa nhận, gia đình ông không đăng ký, kê khai và không cung cấp được tài liệu chứng minh gia đình ông cho Ủy ban mượn đất.

[2.3.2]. Trong khi đó, hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất 76, tờ bản đồ số 27 (BĐĐC 2010) diện tích 829,7m$^2$, loại đất DYT. Theo sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thì thửa đất này được Trạm xá Trị An kê khai đăng ký, diện tích 859m$^2$ loại đất CDXD. Thửa đất này đã được kê khai đăng ký trong sổ mục kê năm 1998 đối chiếu với bản đồ địa chính thành lập năm 2010 thì thửa đất số 317 tờ bản đồ số 08 (cũ) nay thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 27 nằm trong danh sách thửa đất công do Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý theo quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2028 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về phê duyệt phương án sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện V cho rằng ông T xây dựng nhà lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý, là có căn cứ.

[2.3.3]. Về mức xử phạt: Từ việc ông T có hành vi lấn chiếm đất do nhà nước quản lý nên căn cứ quy định của pháp luật Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 và Quyết định số 651/QĐ-SĐBSQĐ ngày 21/3/2023 sửa đổi bổ sung Quyết định số 9068/QĐ-XPHC ngày 02/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, buộc ông T phải nộp phạt 32.007.541 đồng và buộc ông T phải khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn chiếm là đúng pháp luật.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy các quyết định hành chính bị kiện, là đúng quy định của pháp luật. Tài liệu do ông T cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm không phải là chứng cứ mới làm căn cứ hủy bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T; cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

[3]. Ý kiến của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, theo quy định của pháp luật, lẽ ra ông Phạm Văn T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng do ông T là người cao tuổi, và có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm, nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của

pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 29-10-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về "Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", giữa người khởi kiện ông Phạm Văn T với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T được miễn nộp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**